

SIGMAZINC™ 109 HS

THÔNG TIN CHUNG

- Xuất xứ: Indonesia
- Độ bóng: Nhẵn
- Thời gian khô: Khô bề mặt 2,5 giờ
- Số thành phần: 2
- Màu sắc: Ghi, ghi đỏ

THÔNG TIN CHI TIẾT

MÔ TẢ SẢN PHẨM

Sơn chống rỉ giàu kẽm epoxy, 2 thành phần đóng rắn hóa học, có thành phần polyamine

ĐẶC ĐIỂM CHÍNH

- Dùng như 1 hệ sơn chống rỉ cho các hệ sơn khác
- Tính chống rỉ tốt
- Khô nhanh, có thể sơn phủ lại trong thời gian chờ khô ngắn
- Dùng như lớp lót cho hệ thống bảo dưỡng
- Lớp lót tốt cho hệ thống đóng rắn hóa học epoxy
- Phù hợp với SSPC-Paint 20 level 2 và ISO 12944.5

MÀU SẮC VÀ ĐỘ BÓNG

- Ghi, ghi đỏ
- Nhẵn

THÔNG SỐ CƠ BẢN TẠI 20°C (68°F)

| Thông số kỹ thuật cho thành phần sơn đã trộn | |
|--|--|
| Số thành phần | Hai |
| Tỉ trọng khối lượng | 2.8 kg/l (23.4 lb/US gal) |
| Thể tích chất rắn | 66 ± 2% |
| VOC (Supplied) | Directive 1999/13/EC, SED: max. 106.0 g/kg max. 299.0 g/l (approx. 2.5 lb/US gal) |
| Độ dày màng sơn khô cho phép | 50 - 150 µm (2.0 - 6.0 mils) depending on system |
| Định mức lí thuyết | 11.0 m ² /l for 60 µm (441 ft ² /US gal for 2.4 mils) |
| Thời gian khô để sờ được sau | 2.5 giờ |
| Thời gian khô để sơn lớp kết tiếp | Tối thiểu: 4 giờ Xem bảng đóng rắn bên dưới |
| Thời gian đóng rắn | 7 ngày |
| Thời gian bảo quản (cắt giữ ở nơi khô ráo và thoáng mát) | Tối thiểu 24 tháng |

CÁC ĐIỀU KIỆN CHUẨN BỊ BỀ MẶT VÀ NHIỆT ĐỘ TRONG QUÁ TRÌNH SƠN

Dùng cho vùng tiếp xúc với nước

- Thép; thối hạt tới tiêu chuẩn ISO-Sa2½, độ nhám bề mặt 40 – 70 µm (1.6 – 2.8 mils)
- Thép có lớp sơn lót là kẽm silicate; xử lí theo bề mặt tiêu chuẩn SPSS-Ss

Tiếp xúc với môi trường bên ngoài

- Thép; thối hạt tới tiêu chuẩn ISO-Sa2½, độ nhám bề mặt 40 – 70 µm (1.6 – 2.8 mils)
- Thép có lớp sơn lót là kẽm silicate xử lí theo bề mặt tiêu chuẩn SPSS hoặc làm sạch cơ học tiêu chuẩn SPSS-Pt3

Nhiệt độ bề mặt

- Nhiệt độ bề mặt trong quá trình thi công và đóng rắn cần trên 5°C (41°F)
- Nhiệt độ bề mặt trong quá trình thi công và đóng rắn tối thiểu 3°C (5°F) và cao hơn điểm sương.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Tỉ lệ trộn theo thể tích chính với chất đóng rắn 80:20 (4:1)

- Nhiệt độ của sơn và keo sau khi đã pha trộn vào với nhau nên ở mức trên 15°C (59°F), nếu không phải pha thêm dung môi để tăng độ nhớt.
- Pha thêm dung môi sau khi đã pha trộn thêm thành phần sơn.
- Quá nhiều dung môi làm giảm khả năng chống chảy và đóng rắn chậm.

Thời gian cảm ứng: Không có.

Thời gian sống của sơn: 6 giờ tại 20°C (68°F)

SƠN PHUN ÁP LỰC CAO CHÂN KHÔNG

Dung môi pha sơn: THINNER 91-92

% Pha dung môi: 0 - 15%, tùy thuộc vào chiều dày yêu cầu và điều kiện thi công

Cỡ béc phun: 1.8 – 2.2 mm (Xấp xỉ 0.070 – 0.087 in)

Áp lực tại đầu phun: 0.3 - 0.6 MPa (Xấp xỉ 3 - 6 bar; 44 - 87 p.s.i.)

SƠN PHUN KHÍ NÉN

Dung môi pha sơn: THINNER 91-92

% Pha dung môi: 0 - 15%, tùy thuộc vào chiều dày yêu cầu và điều kiện thi công

Cỡ béc phun: Xấp xỉ 0.43 – 0.48 mm (0.017 – 0.019 in)

Áp lực tại đầu phun: 15.0 MPa (Xấp xỉ. 150 bar; 2176 p.s.i.)

Brush/roller

Dung môi pha sơn: THINNER 91-92

% Pha dung môi: 0 – 10%

Dung môi xúc rửa: THINNER 90-53

THÔNG TIN BỔ SUNG

| Chiều dày màng sơn và định mức | |
|---------------------------------------|--|
| Chiều dày khô tính bằng μm | Độ phủ lí thuyết |
| 60 μm (2.4 mils) | 11.0 m ² /l (441 ft ² /US gal) |
| 75 μm (3.0 mils) | 8.8 m ² /l (353 ft ² /US gal) |
| 100 μm (4.0 mils) | 6.6 m ² /l (265 ft ² /US gal) |
| 150 μm (6.0 mils) | 4.4 m ² /l (176 ft ² /US gal) |

| Bảng thời gian phủ lớp kế tiếp với độ dày khô lên tới 100 μm (4.0 mils) | | | | | |
|--|------------------|-------------|-------------|-------------|--------------|
| Phủ với... | Khoảng thời gian | 10°C (50°F) | 20°C (68°F) | 30°C (86°F) | 40°C (104°F) |
| subsequent coating | Tối thiểu | 8 giờ | 4 giờ | 3 giờ | 2 giờ |
| | Tối đa | 3 tháng | 3 tháng | 3 tháng | 3 tháng |

| Đóng rắn với chiều dày khô lên tới 100 μm (4.0 mils) | | | |
|---|------------|-------------------|--------------------|
| Nhiệt độ bề mặt | Khô bề mặt | Khô để vận chuyển | Đóng rắn hoàn toàn |
| 10°C (50°F) | 5 giờ | 6 giờ | 20 ngày |
| 15°C (59°F) | 3 giờ | 4 giờ | 10 ngày |
| 20°C (68°F) | 2.5 giờ | 3 giờ | 7 ngày |
| 30°C (86°F) | 1 giờ | 1.5 giờ | 5 ngày |

| Thời gian sống (có độ nhớt để thi công được) | |
|--|----------------|
| Nhiệt độ với thành phần sơn đã trộn | Thời gian sống |
| 10°C (50°F) | 12 giờ |
| 20°C (68°F) | 6 giờ |
| 30°C (86°F) | 4.5 giờ |
| 40°C (104°F) | 3 giờ |

ĐỀ PHÒNG AN TOÀN

- Đối với sơn và dung môi cho phép xem bảng an toàn 1430, 1431 và các thông số kĩ thuật an toàn vật liệu liên quan.
- Đây là lớp sơn gốc dung môi nên cần chú ý tránh hít bụi sơn hay mùi sơn cũng như tiếp xúc với màng sơn còn ướt và tránh để da, mắt tiếp xúc vào.

GIA TRỊ SỬ DỤNG TOÀN CẦU

Mục tiêu của hãng sơn PPG Protective and Marine Coatings là luôn cung cấp cùng một loại sản phẩm trên toàn thế giới, thỉnh thoảng có những hiệu chỉnh nhỏ nhằm phù hợp với từng điều lệ hoặc qui định chung của từng vùng hoặc từng nước.